

# Hậu Củ Khoai Yên Bái

Phạm Hữu Phước

Sáng nay tôi nhận được một mẫu tin nhắn trên Facebook từ một người tôi vừa biết vừa không biết. Biết vì anh đã từng là người được tôi chăm sóc trong hai tuần ở Bệnh xá của trại tù Yên Bái khi anh bị kiết lỵ nặng phải đưa từ trại lên Bệnh xá. Không biết vì giờ này tôi có cố moi óc cũng không thể tài nào hình dung ra anh là ai. Bệnh nhân đến rồi đi, thầy thuốc có bao giờ nhớ hết mọi người!

*Kính anh Phước, tình cờ đọc bài "Củ khoai Yên Bái" nhớ đến anh nhiều (có thể anh không còn nhớ tôi!) lúc được anh điều trị cho sau khi được khiêng từ trại 12 ra trạm xá Yên Bái/Hoàng Liên Sơn, lúc đó anh, tuy là tù nhân Phước Long nhưng được tên "bác sĩ" VC tên Cán (?) ủy thác trị bệnh cho anh em QN/VNCH ở Liên trại 4. Tuy ở trạm xá có 2 tuần, vào thời điểm anh niên trưởng của chúng tôi là PĐT219 Nguyễn Văn Nghĩa bệnh nặng và chết tại đó. Anh cũng đã nhường phần (hồ) bột mì cho tôi "bồi dưỡng", nên chóng bình phục, tôi vẫn còn nhớ và mang ơn anh, hôm nay nhờ bè bạn KQ mách bảo cho nên muốn liên lạc với anh để tỏ lòng tri ân và gọi lại những kỷ niệm thời gian tù đầy gian khổ ngoài Bắc. Mong thay.*

*Thân kính*

*KQ Trần Quang Tuyến/USA..*

Mẫu tin nhỏ gọi tôi nhớ lại có một thời tôi đã từng ở nơi rừng sâu nước độc này. Tháng Tư 1975 Sài Gòn rơi vào tay CS. Tháng Sáu 1976, CS ồ ạt chuyển tù từ miền Nam ra. Tôi được điều về Bệnh xá của trại tù Yên Bái, Hoàng Liên Sơn. Lúc ấy trong trại chỉ có tôi là bác sĩ, vì tôi bị bắt khá sớm trên chiến trường Phước Long như một tù binh ngay từ tháng Giêng 1975 rồi chuyển ra Bắc theo đường mòn HCM.

Bệnh xá gồm 80 giường, 20 giường cho bộ đội và 60 giường còn lại cho tù. Đứng đầu là BS. Cán, thượng úy, ông ta điều trị cho bộ đội; còn 60 giường của tù giao cho tôi. Hai mươi giường của "khung" chỉ lèo tèo mấy tên bộ đội trông còn khỏe chán, chỉ về bệnh xá để nghỉ ngơi. Ông BS Cán quá rảnh, không biết làm gì tiêu thời giờ nên đi nuôi gà và tăng gia trồng trọt để cải thiện thêm "chất tươi". Trong khi 60 giường của tù lúc nào cũng "làm ăn khăm khá", khách khứa ra vào tấp nập, nhất là khi có những trận bệnh bùng phát như kiết lỵ, sốt vàng da (Leptospirosis)... đôi khi một giường phải nằm đến hai người.

Bệnh xá là tuyến điều trị đầu tiên và cũng là tuyến cuối cùng. Rất hiếm khi tù được chuyển lên tuyến cao hơn là BV Yên Bái. Bệnh xá dụng cụ chẳng có gì, thuốc men lại vô cùng thiếu thốn. Tôi cũng chẳng có sách báo Y khoa gì để tham cứu, hay một người bác sĩ bạn để bàn luận khi gặp những trường hợp khó. Tôi chỉ loay hoay, xoay trở trong mớ kiến thức còn rơi rớt lại trong đầu từ thuở còn học ở Y khoa Sài Gòn và lê lét ở các bệnh viện. Cũng may Y khoa Sài Gòn đã đào tạo chúng tôi khá quy củ. Ngày xưa tôi oán mấy ông giáo sư lảm vì bắt bọn này học nhiều quá, mỗi lần thi cử nhìn đồng cua cao ngất mà hải hùng. Sau đó khi đi thực tập ở BV Nguyễn Văn Học, Gia Định, tôi lại có dịp học thêm bệnh truyền nhiễm từ GS. Joel D Brown, một bác sĩ chuyên môn về bệnh nhiễm trùng. Không ngờ những gì mình phải học chung chung để thi lên lớp và ra trường giờ mới thấy hữu dụng.

Tôi làm việc với cả tấm lòng và nhận lại những ánh mắt biết ơn của các bạn tù. Chúng tôi là những kẻ "cùng một lửa bên trời lặn đạn" cả mà, làm sao không trải lòng với nhau? Nói thì có người cho tôi là đạo đức giả, chứ theo tôi đó là thời kỳ đẹp nhất trong đời thầy thuốc của tôi, vì tôi giúp được những người đang tha thiết mong chờ sự giúp đỡ của mình trong hoàn cảnh cùng khổ như nhau, hoàn toàn không dựa vào tiền bạc. Ai cũng muốn sống sót để có ngày về với gia đình. Bệnh tật trong trại tù cũng nguy hiểm dễ đưa đến tử vong không khác gì khi xông pha lửa đạn trên trận mạc. Do đó mọi người rất quý mến tôi, vì tôi là cái phao cho những hy vọng của họ khi phải sống xa sự săn sóc của gia đình. Nói thật tôi qua Úc, học lại rồi hành nghề ở Melbourne 25 năm trước khi về hưu, tất cả giao tiếp của tôi đối với bệnh nhân phần lớn đều dựa trên tiền bạc. Có những buổi sáng tôi đứng sau hàng rào bệnh xá. Anh em đi lao động ngang qua, thấy tôi họ vẫy tay: "BS. Phước! BS Phước!". Tôi thấy cả một niềm vui âm áp dâng trào trong lòng. Cảm ơn những bạn tù khốn khổ của tôi!

Bệnh xá của tôi cuối cùng được bầu là đơn vị tiên tiến. Điều ấy có nghĩa là bệnh xá chúng tôi đã tiếp nhận bệnh nhân khá đông và tổ điều trị của chúng tôi cũng đã làm việc cật lực với những phương tiện hết sức

nghèo nàn. Bệnh xá của liên trại tù Yên Bái tuy là tuyến đầu tiên nhưng hầu như cũng là tuyến cuối cùng để điều trị tù nhân. Từ ngày tôi về bệnh xá, chỉ có một trường hợp duy nhất bị gãy xương đùi được chuyển ra bệnh viện tỉnh Yên Bái, nhưng ba hôm sau bệnh nhân lại được chuyển về với tình trạng y nguyên như cũ.

Dụng cụ của bệnh xá rất sơ sài. Chúng tôi chỉ có ống nghe, máy đo huyết áp, một bộ tiểu giải phẫu, ống chích và kim tiêm. Ngay cả găng tay là thứ chúng tôi cần nhất cũng không có. Thuốc men lèo tèo không kém, không gì ngoài mấy thứ trụ sinh thông thường do các công ty quốc danh cung cấp như penicillin, tetracycline, thuốc bổ multivitamin, thuốc đỏ, thuốc tím... Thế mà chúng tôi là cái phao cho tù nhân nương tựa khi đau yếu.

Một hôm BS. Cán, Trưởng bệnh xá, gọi tôi lên để nhận thêm thuốc từ trong miền Nam gửi ra. Tôi mừng khắp khởi vì hy vọng có thêm thuốc cho bạn tù. Đến nơi tôi thì hơi ôi: cả một đồng thuốc vứt bừa bãi trên sàn nhà, không được sắp xếp phân loại gì cả. Tôi kiểm lại hạn sử dụng thì đã quá đến hai năm là ít. Thì ra đồng thuốc này họ hốt từ miền Nam ra, cái gì xài được họ lấy hết cả rồi, cái gì họ không xài được là ném cho chúng tôi như đồ rác. Các chỉ dẫn kèm theo thuốc họ không đọc được vì viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp nên không thể sắp xếp, phân loại thuốc men cho đâu ra đó, trong khi bác sĩ miền Nam chúng tôi thì đọc sách báo y khoa bằng Anh hay Pháp ngữ dễ dàng như đọc tiếng Việt. Nhưng không lẽ bỏ, bỏ thì tiếc quá, tôi nhủ thầm: "Có còn hơn không thuốc" tư bản" biết đâu vẫn còn tốt!" Nghĩ thế, tôi cặm cụi tìm trong đồng thuốc bừa bãi thứ gì có thể dùng được thì nhặt ra. Tôi tìm được mấy thứ thuốc viên trị đau khớp, dạ dày, thuốc giảm đau, trụ sinh.... Tôi dứt khoát loại ngay mấy thứ thuốc chích vì sợ thuốc quá hạn có thể gây 'sốc' thuốc (anaphylactic shock) làm chết người thì mình hối hận suốt đời.

Tù nhân chuyển ra Bắc tháng sáu 1976 có cả cấp tướng và đại tá. Trong số đó có chuẩn tướng Phạm Hà Thanh, nguyên là chỉ huy trưởng ngành Quân y của tôi. Nhưng tôi không được gặp ông vì sĩ quan cấp tướng nếu đau yếu phải chính tay BS. Cán điều trị. Cấp đại tá trở xuống khi bệnh mới được đưa qua bệnh xá do tôi trông coi. Nhờ thế tôi mới có dịp được gặp một người mà tôi rất ngưỡng mộ từ lâu, đó là **sử gia Phạm Văn Sơn**. Từ thời còn học trung học ở Tăng Bạt Hổ, Bồng Sơn, tôi đã đọc cuốn "**Việt Nam tranh đấu sử**" của ông mà xúc động khôn cùng. Tôi kính trọng, thương cảm, ngã nón kính phục tiền nhân của tôi đã hy sinh cả cuộc đời và cả yên ấm của gia đình chỉ vì lòng yêu nước vô bờ bến. Ông viết sử mà lời văn trong sáng, danh thép, hùng hực lửa như tấm lòng của tiền nhân. Có đoạn tôi không cầm được nước mắt. Ông là một học giả uyên bác, một sử gia nổi tiếng ở miền Nam, tác giả của những công trình nghiên cứu Việt sử được mọi người khâm phục. Chức vụ cuối cùng của ông là đại tá, Trưởng Ban quân sử Bộ Tổng tham mưu. Ông bị bệnh vẩy nến (Psoriasis) khá nặng, da sần sù nên nhiều người tưởng lầm ông bị bệnh cùi. Bệnh xá đâu có thuốc gì để điều trị cho ông, ngay cả thuốc giúp ông khỏi đau nhức khớp xương, biến chứng hay đi chung với bệnh vẩy nến. Nhưng dù sao ở đây ông không phải đi lao động, được ăn cơm không độn và được nghỉ ngơi.

Yên Bái thường lạnh, nhất là dịp gần cuối năm khi bắt đầu có mưa phùn. Có những buổi sáng, sương đọng băng trắng xóa trên ngọn cỏ trước sân. Buổi tối anh em trong tổ điều trị chúng tôi thường đốt một đồng lửa nhỏ, ngồi quây quần chuyện vãn với nhau cho đỡ lạnh và đỡ nhớ nhà. Nghe những cơn gió rít lê thê bên ngoài mà buồn não ruột. Những buổi tối như thế chúng tôi đều mời ông tham dự. Chúng tôi mời ông chỉ vì ai cũng biết và kính trọng ông, nhưng cũng vì một lý do khác: ông nói chuyện rất hay, lưu loát và mạch lạc. Ở ông là cả một kho kiến thức về sử. Ông kể cho chúng tôi đủ thứ chuyện, chuyện Gia Long đào mộ Quang Trung rồi đem sọ Quang Trung giam vào ngục thất, Gia Long bó con nữ tướng Bùi Thị Xuân rồi đốt như ngọn đuốc trước mắt bà, riêng bà thì bị voi dày. Cảnh Quang Trung lên ngôi Hoàng Đế ở Phú Xuân rồi kéo quân ra Bắc đánh quân Thanh... Có lúc ông đem chuyện Kiều ra bàn, ông còn làm cả thơ vịnh Kiều đọc cho chúng tôi nghe.

Chúng tôi ngồi nghe ông nói quên cả thời gian và lạnh. Trại cấm chúng tôi gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng chúng tôi đã có cách, đại úy gọi là anh Ba, đại tá như ông chúng tôi gọi là anh Sáu. Nhưng cách gọi như thế chỉ trước mặt cán bộ, khi ngồi chung với ông bên bếp lửa chúng tôi gọi ông là Bố và xưng Con. Hôm nào chúng tôi cải thiện được được ít lá chè tươi và nấu được bát nước chè xanh chia nhau thì không khí càng đậm đà. Có khi chúng tôi xoay được thứ quý hiếm nhất trong tù là khoai mì, nướng vào lửa và mời ông. Ông bóc từng miếng mì cháy bỏ vào miệng nhai ngon lành. Tro và những vết lọ cháy dính cả lên má và môi ông, ông cũng chẳng buồn lau. Nhìn ông ăn từng mẩu mì cháy mà tôi chạnh lòng. Đời ông đã từng ăn bao nhiêu là yến tiệc sang trọng! Lúc tôi chuyển trại ông vẫn còn ở lại bệnh xá. Sau này khi đã sang đến Úc tôi mới gặp được một người bạn tù với tôi ở Yên Bái cho biết sau đó ông được chuyển lên Vĩnh Phú và chết rất thê thảm trong tù.

Từ trong Nam chuyển ra Bắc, Bệnh xá Yên Bái chỉ là trạm đầu tiên của Đại Tá Phạm Văn Sơn. Có lẽ nơi đây ông đã có những ngày tương đối an thân vì trại tù dưới sự kiểm soát của bộ đội dù sao cũng vẫn chưa đến nỗi quá khắc nghiệt, vả lại chúng tôi biết ông và kính phục ông. Nhưng khi ông được chuyển về trại Tân Lập, Vĩnh Phú, dưới sự quản lý của công an ông mới thực sự sống trong đáy địa ngục của lao tù CS. Đại Tá Phạm Văn Sơn sinh ngày 15/08/1915 tại Hà Đông cũ, nay thuộc thành phố Hà Nội. Ông mất ngày 06/12/1978 tại trại tù Tân Lập, Vĩnh Phú.

Ông là một học giả uyên thâm và là một sử gia nổi tiếng. Những tác phẩm chính và đồ sộ của ông gồm:

- Việt Sử Tân Biên (7 cuốn)
- Bộ Quân sử VNCH ghi lại tất cả các trận đánh trên chiến trường miền Nam.

Ngoài ra ông còn viết:

- Việt Nam tranh đấu sử
- Vỹ tuyến 17 (ký tên Dương Châu)
- Việt sử toàn thư
- Cuộc Tổng Công Kích - Tổng Khởi Nghĩa của Việt-Cộng Mậu Thân 1968, (viết cùng với Lê Văn Dương), 1968
- Việt Nam hiện đại sử yếu.

Chức vụ cuối cùng của ông là Đại Tá, Trưởng Ban Quân Sử, Bộ Tổng Tham Mưu. Đại Tá Phạm Văn Sơn đã sống đúng mẫu mực của một quân nhân với châm ngôn **TỔ QUỐC - DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM**. Trước cường quyền và độc ác, Đại Tá không khiếp sợ, không van xin, ngẩng cao đầu mà nói với CS: "**Các ông làm như thế là lưu xú ố lại cho muôn đời sau**", dù biết rằng lời nói khí khái của mình sẽ đưa mình vào kỷ luật cùm nhà đá, đó là giữ vững **DANH DỰ**. Ông tuyệt thực cho đến chết và viết thư cho ban chỉ huy trại yêu cầu họ đối xử nhân đạo hơn với tù nhân, đó là **TRÁCH NHIỆM** của một sĩ quan đối với các chiến hữu của mình.

Tôi ngả mũ kính phục nhân cách tuyệt vời của một quân nhân mẫu mực như ông.

**"Anh hùng tử, khí hùng nào tử"**

BS Phạm Hữu Phước